

Bản án số: 74/2018/HSST
Ngày 27/03/2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh

Ông Nguyễn Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thanh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 và 27 tháng 03 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2018/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/HSST- QĐ ngày 13 tháng 03 năm 2018 đối với bị cáo:

1. Trần Văn V (tên gọi khác: H), sinh năm 1989 tại Tuyên Quang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh T; Nơi ở: Không nơi cố định; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị T; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 256/2008/HSST ngày 29/7/2008 Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích); Bắt tạm giam ngày 20/11/2017; Có mặt tại phiên tòa.

2. Dương Văn L (tên gọi khác: Q), sinh năm 1989 tại Tuyên Quang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn D và bà Lê Thị C; Có vợ là Ma Thị Q; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt tạm giam ngày 20/11/2017. Ngày 30/01/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Chị Trương Thị N, sinh năm 1993.

HKTT: Ấp V, xã T, huyện H, tỉnh K.

Nơi ở: Số 2A, ngõ 951, đường G, phường G, quận H, Hà Nội - Vắng mặt.

2. Chị Bùi Thị H, sinh năm 1982.
HKTT: Bản Bang, xã M, huyện P, tỉnh S.

Nơi ở: Số 2A, ngõ 951, đường G, phường G, quận H, Hà Nội - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn V (tên thường gọi là H) có quen biết xã hội với chị Hoàng Thị B (tức M). Khi quen biết chị M, V giới thiệu mình là công an. Vì vậy, khi chị Trương Thị N và chị Bùi Thị H có nhờ chị M tìm người làm giúp thủ tục xuất cảnh sang Trung Quốc thì chị M đã nhờ V (tức H) làm hộ. Trần Văn V nhận lời, sau đó rủ Dương Văn L cùng tham gia. Ngày 11/11/2017, Trần Văn V có gặp chị M, chị Trương Thị N và Bùi Thị H tại quán cà phê Tim (số 90 hồ Đền Lừ, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội), sau đó V gọi điện cho Dương Văn L đến. V giới thiệu L là công an làm tại cục C47- Bộ công an cùng với V, là người có thể làm được visa xuất cảnh sang Trung Quốc cho chị N và chị H. Do tin tưởng V và L có thể làm được visa nên ngay tại quán cà phê này, chị N, chị H mỗi người đã giao 3.500.000 đồng (do Lưu nhận) để làm thủ tục xuất cảnh sang Trung Quốc với thời gian từ ba tháng đến sáu tháng, thời gian làm visa là 05 ngày. Sau khi L nhận tiền giữa V và L không có thỏa thuận trao đổi gì về việc ăn chia số tiền này. Ngày 15/11/2017, L và V gặp chị N, chị H và chị Hoa (em chị H) tại khu vực đường Kim Đồng phường Giáp Bát quận Hoàng Mai Hà Nội, giữa Lưu và chị Nn, chị H có trao đổi về việc làm visa xuất khẩu lao động sang Trung Quốc trong thời hạn 03 năm với chi phí khoảng 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Lúc đó, chị Nn, chị H chưa có ý kiến gì. Sau đó, Dương Văn L đi chơi cùng chị N, chị N tin tưởng L làm được nên đã rút tiền tại cây ATM của ngân hàng Techcombank ở tầng 1 tòa nhà KeengNam phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội đưa thêm cho Lưu 13.000.000 đồng để L làm visa xuất khẩu lao động sang Trung Quốc trong thời hạn 03 năm. Đến tối ngày 15/11/2017, V đến phòng trọ của chị H và N chơi thì được biết chị N đã đưa thêm cho L 13.000.000 đồng. Thấy chị N, chị H dễ lừa nên ngày hôm sau 16/11/2017, V không trao đổi gì với Dương Văn L mà tự gọi điện nói chị H rút tiền và giấy tờ ở chỗ L về để V làm visa giúp sang Trung Quốc làm việc 03 năm chỉ với chi phí rẻ hơn chỉ hết 4.500.000 đồng. Chị H vẫn nghĩ V là công an nên đồng ý và ngay trong ngày 16/11/2017, chị H đã chuyển khoản cho V số tiền 1.5000.000 đồng qua số tài khoản 1410205134676 của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn mang tên chủ tài khoản là Phạm Thị Thanh N và 3.000.000 đồng qua số tài khoản 2608205125366 của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn mang tên chủ tài khoản là Hán Đức B theo yêu cầu của Trần Văn V.

Ngày 18/11/2017, Dương Văn L đến nơi ở của chị N, H tại số 2A ngõ 951 đường Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội chơi, L nói với chị H visa xuất cảnh sang Trung Quốc với thời gian 3 năm của chị N sắp làm

xong, chị H có làm không thì L giúp. Chị H đồng ý và đưa cho L thêm 12.000.000 đồng. Hai lần L nhận số tiền 13.000.000 đồng của chị N và 12.000.000 đồng của chị H, L không bàn bạc thỏa thuận gì với Trần Văn V. Toàn bộ số tiền L nhận của chị N và Hà là 32.000.000 đồng, L ăn tiêu hết không chia cho Trần Văn V.

Việc Trần Văn V chiếm đoạt số tiền 4.500.000 đồng của chị H, V ăn tiêu hết, không chia số tiền này cho L.

Sau khi nhận tiền của chị N, chị H thì Trần Văn V, Dương Văn L tắt máy, chặn các liên lạc khác với chị N, chị H nên ngày 20/11/2017 hai chị đã trình báo cơ quan công an.

Ngày 20/11/2017 Dương Văn L và Trần Văn V đến Công an phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội đầu thú. Cơ quan điều tra đã thu giữ của V 01 điện thoại VERTU màu vàng đỏ đã qua sử dụng, thu giữ của Lưu 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đỏ đen đã qua sử dụng, 01 hộ chiếu và chứng minh thư nhân dân mang tên Bùi Thu H, 01 hộ chiếu và chứng minh thư nhân dân mang tên Trương Thị N.

Trong quá trình điều tra, gia đình của Trần Văn V đã tự nguyện bồi thường trả cho chị Bùi Thị H số tiền 4.500.000 đồng. Gia đình của Dương Văn L đã bồi thường trả cho chị Trương Thị N số tiền 16.500.000 đồng; bồi thường trả chị Bùi Thị H số tiền 15.500.000 đồng.

Chị Trương Thị N và Bùi Thị H đã nhận toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt cùng các giấy tờ khác nên không có yêu cầu bồi thường về dân sự và đề nghị cơ quan pháp luật xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Trần Văn V và Dương Văn L.

Trong quá trình điều tra xác định chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Hán Đức B là chủ tài khoản cho V mượn để nhận tiền từ chị Nguyễn Thị H không biết về hành vi lừa đảo của V nên cơ quan điều tra không xử lý.

Bản cáo trạng số 67/CT-VKS ngày 09/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội truy tố Trần Văn V và Dương Văn L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay thuộc khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Văn V và Dương Văn L giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra. Hai bị cáo xác nhận, do tin tưởng các bị cáo là công an theo lời giới thiệu của các bị cáo và có thể làm được visa xuất cảnh đi Trung Quốc nên ngày 11/11/2017, chị N và chị H đã giao tiền cho các bị cáo, mỗi người đưa 3.500.000 đồng (do L nhận) để làm thủ tục xuất cảnh sang Trung Quốc.

Bị cáo Dương Văn L khai nhận: Sau ngày 11/11/2017, hai lần sau là ngày 15/11/2017 bị cáo lừa để chiếm đoạt thêm của chị Ngoan 13.000.000 đồng và ngày 18/11/2017 lừa chiếm đoạt thêm của chị H số tiền 12.000.000 đồng bị cáo tự làm, không bàn bạc thỏa thuận gì với Trần Văn V. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt của hai chị, bị cáo ăn tiêu hết, không chia gì cho Trần Văn V.

Bị cáo Trần Văn V khai nhận: Ngoài hành vi cùng Dương Văn L lừa đảo chiếm đoạt số tiền 7.000.000 đồng của chị N, chị H vào ngày 11/11/2017, vào ngày

16/11/2017, bị cáo tiếp tục có hành vi lừa dối chiếm đoạt số tiền 4.500.000 đồng của chị Bùi Thị H mà không có sự bàn bạc thỏa thuận gì với Dương Văn L.

Các bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân quận Hoàng Mai truy tố là đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã xác định: Hành vi phạm tội của Trần Văn V, Dương Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay thuộc khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017). Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo nhiều lần chiếm đoạt tiền của các bị hại, thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, nay thuộc điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nay thuộc điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo L phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra các bị cáo đầu thú, người bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nay thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về nhân thân: Bị cáo L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Trần Văn V có 01 tiền án, mặc dù đã được xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu.

Từ những phân tích nêu trên Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Trần Văn V từ 18 tháng đến 22 tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Dương Văn L từ 18 tháng đến 22 tháng tù.
- Về hình phạt bổ sung: Miễn phạt tiền đối với các bị cáo.
- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Trương Thị N và Nguyễn Thị H đã nhận số tiền bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên không xét.

- Xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại VERTU màu vàng đỏ thu giữ của bị cáo Trần Văn Vin, bị cáo đã sử dụng liên lạc để chiếm đoạt số tiền 4.500.000 đồng của chị Bùi Thị H nên tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước. Đối với

01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đỏ đen thu giữ của Dương Văn L không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Bị cáo Trần Văn V và Dương Văn L không có tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai.

Lời nói sau cùng của hai bị cáo:

Bị cáo Trần Văn V: Bị cáo biết hành vi lừa dối chị N, chị H để chiếm đoạt tiền là vi phạm pháp luật. Bị cáo rất ân hận nên đề nghị được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo: Dương Văn L: Do suy nghĩ nông nổi và cần tiền ăn tiêu nên bị cáo đã lừa chị N, chị H để lấy tiền ăn tiêu. Bị cáo cũng rất ân hận. Gia đình bị cáo đã giúp bị cáo trả lại toàn bộ số tiền đã lấy của người bị hại. Đây là lần đầu bị cáo vi phạm pháp luật nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hoàng Mai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn V và Dương Văn L không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của các bị cáo Trần Văn V và Dương Văn L tại phiên tòa với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người bị hại cùng tang vật thu giữ của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Trần Văn V chỉ là công dân bình thường, không có chức năng, nhiệm vụ làm thủ tục cấp visa nhưng khi chị Trương Thị N và chị Bùi Thị H nhờ làm thủ tục xuất cảnh sang Trung Quốc, bằng thủ đoạn gian dối Trần Văn V giới thiệu mình là công an để tạo lòng tin đối với hai chị. Sau đó Vin giới thiệu Dương Văn L là bạn của V và cũng là công an và có thể làm được visa xuất cảnh sang Trung Quốc cho chị N và chị H nhằm chiếm đoạt tiền của hai chị. Do tin tưởng V và L là công an làm tại cục C47- Bộ công an, có thể làm được visa nên ngày 11/11/2017, chị N và chị H đã đưa cho Dương Văn L và Trần Văn V mỗi 3.500.000 đồng (do Lưu trực tiếp nhận) để làm Visa xuất cảnh sang Trung Quốc với thời hạn từ 03 đến 06 tháng nhưng thực tế V và L không làm được. Đến ngày 15/11/2017, Dương Văn L gặp chị N, chị H tiếp tục nói dối về việc có thể làm được visa xuất cảnh đi Trung Quốc lao động trong thời hạn 03 năm nhưng chi phí cao hơn nên ngay trong ngày 15/11/2017 chị N đã tiếp tục đưa cho Dương Văn L số tiền 13.000.000 đồng. Dương Văn L giấu không cho Trần

Văn V biết việc L nhận thêm tiền của chị N nhưng V vẫn biết thông qua chị N, chị H. Thấy hai chị dễ lừa nên ngày 16/11/2017, Trần Văn V đã đề nghị làm thủ tục cấp visa cho chị H sang Trung Quốc lao động ba năm với chi phí chỉ có 4.500.000 đồng, rẻ hơn L làm. Do vẫn tin tưởng V là công an nên chị H đồng ý và ngay trong ngày 16/11/2017, chị H đã chuyển tiền cho V và V đã chiếm đoạt số tiền này dùng để chi tiêu cá nhân hết. Lần chiếm đoạt tiền này của chị H, Trần Văn V không cho L biết và cũng không ăn chia gì với Dương Văn L. Ngày 18/11/2017, để tạo thêm lòng tin cho chị H, Dương Văn L đã nói visa với thời hạn lao động 03 năm của chị N sắp làm xong, chị H có làm thì L giúp, nên chị H đã đưa tiếp cho Dương Văn L 12.000.000 đồng. Lần chiếm đoạt tiền này của chị H, L cũng không bàn bạc gì với V. Tổng số tiền trong hai lần Dương Văn L nhận của chị N và chị H là 32.000.000 đồng, L ăn tiêu cá nhân hết không ăn chia gì với Trần Văn V.

Đối chiếu với quy định của pháp luật, các bị cáo Trần Văn V và Dương Văn L đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nên cáo trạng số 67/CT-VKS ngày 09/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai đề nghị truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 nay thuộc khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn V và Dương Văn L không những gây mất trật tự trị an xã hội mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Dương Văn L và Trần Văn V nhiều lần chiếm đoạt tiền của chị N, chị H nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra bị cáo Trần Văn V và Dương Văn L đều khai báo thành khẩn, tác động đến người thân trong gia đình tự nguyện bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Dương Văn L phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Sau khi phạm tội, cả hai bị cáo ra đầu thú, người bị hại có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên bị cáo V và L được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Dương Văn L chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo Trần Văn V có 01 tiền án năm 2010 đã được xóa án.

[6] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Vụ án có tính chất đồng phạm đơn giản, trong đó bị cáo Trần Văn V giữ vai trò khởi xướng, còn bị cáo Dương Văn L là người thực hiện tích cực. Các bị cáo mặc dù không có sự bàn bạc về việc ăn chia số tiền nếu chiếm đoạt được của người bị hại nhưng ngày

11/11/2017 hai bị cáo đều có hành vi gian dối giới thiệu mình là công an với đề tạo niềm tin cho chị N, chị H với mục đích chiếm đoạt tài sản của họ nên mặc dù bị cáo Lưu là người trực tiếp nhận số tiền 7.000.000 đồng và bị cáo V không được ăn chia số tiền này nhưng cả hai bị cáo đều phải chịu trách nhiệm cho hành vi phạm tội này với vai trò đồng phạm. Những lần sau, khi bị cáo V chiếm đoạt thêm số tiền 4.500.000 đồng của chị H và bị cáo L chiếm đoạt thêm số tiền 13.000.000 đồng của chị N, 12.000.000 đồng của chị H thì các bị cáo lại thực hiện độc lập, không liên quan đến nhau, không bàn bạc và cũng không cùng nhau ăn chia số tiền chiếm đoạt được của các bị hại nên mỗi bị cáo chỉ phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình.

[7]. Về quyết định hình phạt: Sau khi xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo nghiêm khắc. Trong đó số tiền bị cáo L chiếm đoạt nhiều hơn bị cáo V nên mức hình phạt đối với bị cáo L cao hơn bị cáo V. Cả hai bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo Trần Văn V có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, mặc dù đã được xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, đã được cơ quan pháp luật giáo dục nhưng không lấy đó làm bài học rèn luyện tu dưỡng bản thân làm ăn lương thiện. Để có tiền ăn tiêu bất hợp pháp bị cáo tiếp tục có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, thể hiện ý thức coi thường pháp luật nên cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian cải tạo, rèn luyện ý thức tuân thủ pháp luật, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo Dương Văn L có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng khoản 1,2 điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng có thể giúp bị cáo sửa chữa những lỗi lầm của mình trở thành công dân có ích cho xã hội và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, biết ăn năn, hối cải.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, không có khả năng kinh tế nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Trương Thị N và Bùi Thị H đã nhận số tiền bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[10]. Về xử lý tang vật: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Đối với chiếc điện thoại VERTU màu vàng đỏ thu giữ của Dương Văn L, qua xác minh không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đỏ đen thu giữ của Trần Văn V, qua điều tra xác minh xác định là

phương tiện bị cáo dùng liên lạc trao đổi để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 4.500.000 đồng của chị Bùi Thị H nên cần tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước.

[11]. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Khoản 1 Mục I Danh mục án phí lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Văn V và Dương Văn L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Đối với bị cáo Trần Văn Vin);

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Đối với bị cáo Dương Văn Lưu);

Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Mục I Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết (Đối với cả hai bị cáo):

1. Xử phạt bị cáo Trần Văn V 12 (*mười hai*) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2017.

2. Xử phạt bị cáo Dương Văn L 18 (*mười tám*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 36 (*ba mươi sáu*) tháng kể từ ngày tuyên án về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Giao bị cáo cho UBND xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời hạn thử thách của bản án.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn phạt tiền đối với các bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã được nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đỏ đen số IMEL 1: 354271082766220; số IMEL 2: 354271082766238 đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Trần Văn V.

- Trả lại cho bị cáo Dương Văn Lưu chiếc điện thoại VERTU màu vàng đỏ số IMEL 1: 353800811886650, số IMEL 2: 353800811886668 đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án (Hiện đang lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai theo Phiếu nhập vật chứng số 125/2018/ ngày 13/03/2018).

6. Về án phí: Bị cáo Trần Văn V, Dương Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân quận Hoàng Mai;
- Công an quận Hoàng Mai;
- Chi cục THADS quận Hoàng Mai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Tạ Thị Hoa